

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày 10-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiên và ông Hồ Giang Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2025/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2025/QĐST-HS, ngày 31/3/2025 đối với bị cáo:

Võ Thị Hoàng D, sinh năm 1987, tại tỉnh Đắk Nông; căn cước công dân số: 067187000664, cấp ngày 12/05/2022, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi đăng ký thường trú thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp kế toán, hiện nay làm nhân viên hành chính văn phòng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Võ Quang K, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1967; có chồng là Nguyễn Ánh V, sinh năm 1982 và 02 con, con nhỏ lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/7/2024 đến ngày 08/8/2024, tại ngoại – Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1993 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1965 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng

- Anh Thái Đức H, sinh năm 1995 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần gấp một số tiền để giải quyết công việc, nên Nguyễn Xuân L (SN 1992, trú tại: thôn 3, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông) nhờ Thái Đức H (SN: 1995, trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông) tìm người nhận cầm cố giúp chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Creta để mượn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). H đã liên lạc với Võ Thị Hoàng D, D đồng ý và hẹn gặp tại thôn Đ, xã Đ, huyện K. Đến chiều ngày 20/5/2024 L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Ford Explorer biển kiểm soát (BKS) 48A - 051.04 (là xe của bố L) đến gặp D tại quán nước thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện K. Lúc này, D thấy L không mang theo xe ô tô như đã trao đổi trước đó nên D chỉ cho L mượn số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), không cầm cố xe ô tô, không tính lãi và chuyển khoản vào số tài khoản của bà Nguyễn Thị X (là mẹ của L) do L cung cấp. Đến tối cùng ngày, L gọi điện cho D để trả tiền và tự chuyển khoản cho D số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng).

Ngày 21/5/2024 L điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Creta BKS 48A - 175.04 (chiếc xe do anh Phạm Thành N, SN 1993, trú tại: TDP 09, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông đứng tên sở hữu) đến gặp D và H tại quán nước ở thôn Đ, xã Đ, huyện K. Tại đây, L đề nghị cầm cố xe ô tô Hyundai Creta để mượn số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), D đồng ý nhận cầm cố chiếc xe ô tô hiệu Hyundai Creta của Nguyễn Xuân L với số tiền 110.000.000 đồng và không tính lãi. Đến ngày 24/5/2024, L liên lạc với D để hỏi vay thêm 30.000.000 đồng và đề nghị chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng của H, D đồng ý nhưng yêu cầu lấy trước 2.000.000 đồng tiền lãi (Lãi của tổng số tiền mà L cầm cố xe ô tô Hyundai Creta cho D từ ngày 21/5/2024 đến khi L trả nợ), L đồng ý. Sau đó, D chuyển 28.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của H. Có được tiền, L trả cho H 20.000.000 đồng mà L mượn H trước đó, còn lại 8.000.000 đồng H rút tiền mặt và đưa lại cho L.

Ngày 15/6/2024 L gọi điện hỏi D cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Honda Accord BKS 48A-114.95 để vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và chuộc lại xe ô tô Hyundai Creta; D thấy số tiền lớn và kiểm tra giấy đăng ký xe thì thấy xe ô tô Honda Accord đứng tên sở hữu của bà Nguyễn Thị X (là mẹ của L) nên đề nghị gặp trực tiếp bà X thì L đồng ý. Đến ngày 16/6/2024, D điều khiển xe ô tô Hyundai Creta đến nhà bà X tại thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông gặp bà X và L. Tại đây, bà X đồng ý cầm cố xe ô tô Honda Accord cho D để L được mượn số tiền 500.000.000đ, thời hạn là 03 tháng từ ngày 16/6/2024 đến ngày 16/9/2024, mỗi tháng trả lãi một lần, lãi suất là 4.000đ/1.000.000đ/ngày. Nếu chậm đóng tiền lãi sẽ phạt thêm 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. D lập 02 bản hợp đồng cầm cố tài sản và đưa cho bà X ký, D giữ lại 01 bản và đưa cho bà X giữ 01 bản nhưng không có chữ ký của D. Sau khi ký hợp đồng vay tiền với bà X xong thì D cùng L đi đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để lấy xe ô tô hiệu Honda Accord đang được bảo dưỡng tại đây. Sau khi lấy được xe D chuyển khoản cho L qua tài khoản ngân hàng của bà X tổng cộng 310.000.000 đồng, D trừ trước 20.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày vào tiền gốc, trừ số tiền mà L cầm cố xe ô tô hiệu Hyundai Creta là 140.000.000

đồng và đưa cho L 30.000.000 đồng tiền mặt. Đến ngày 30/7/2024, bà X liên lạc với D để đóng tiền lãi, D tính tiền lãi đến ngày 30/7/2024 cho bà X tổng cộng là 100.000.000 đồng trừ số tiền 20.000.000 đồng D đã thu trước đó thì bà X phải đóng cho D thêm 80.000.000 đồng, bà X đồng ý và mang tiền đến quán nước trước cổng thác Dray Sáp để đóng cho D, D vừa nhận tiền thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Krông Nô bắt quả tang. Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô tiến hành kiểm đếm số tiền mà bà X đưa cho D thì phát hiện chỉ có 78.500.000 đồng, qua làm việc xác định bà X khi mang tiền từ nhà đi đếm bị thiếu 1.500.000 đồng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát xác định: tổng số tiền lãi Võ Thị Hoàng D đã thu là 101.500.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu, năm trăm nghìn đồng), bao gồm: 1.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay gốc 30.000.000 đồng ngày 20/5/2024, 2.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 140.000.000 đồng và 98.500.000 đồng tiền lãi, phạt chậm trả lãi của khoản vay gốc 500.000.000 đồng. Theo quy định tại các Điều 466; Điều 468; Điều 70 của BLDS thì khoản tiền lãi hợp pháp của số tiền 500.000.000 đồng là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,0548\%/\text{ngày} \times 45 \text{ ngày} = 12.330.000 \text{ đồng}$. (Thời hạn tính tiền lãi kể từ ngày 17/6/2024 đến ngày 30/7/2024 là 45 ngày). Tiền lãi chậm trả lãi là $8.820.000 \text{ đồng} \times 0,0548\%/\text{ngày} \times 14 \text{ ngày} = 34.000 \text{ đồng}$ (làm tròn) (Thời hạn tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 17/7/2024 đến ngày 30/7/2024 là 14 ngày). Như vậy tổng số tiền hợp pháp theo quy định của BLDS là 12.330.000 đồng + 34.000 đồng = 12.364.000 đồng. Mặc dù D tính nhầm số tiền lãi do tính sai số ngày vay và số ngày chậm lãi, nhưng khi D tự tính tiền lãi cho bà X và thông báo cho bà X biết số tiền lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 100.000.000 đồng thì bà X đã đồng ý và không thắc mắc gì, do đó tổng số tiền mà D thu lợi bất chính từ khoản vay 500.000.000 đồng của bà X tính đến ngày 30/7/2024 là 100.000.000 đồng. Đối với khoản tiền lãi này thì mức lãi suất mà bà X và anh L phải chịu là 0,4%/ngày (tương đương với 146%/năm), cao gấp 7,3 lần lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015. Số tiền Võ Thị Hoàng D thu lợi bất chính là: 100.000.000 đồng - 12.364.000 đồng = 87.636.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô thu giữ:

- Bà Nguyễn Thị X tự nguyện giao nộp số tiền 421.500.000 đồng;
- Thu giữ khi bắt quả tang;
- + Số tiền 78.500.000 đồng;

+ Trên người Võ Thị Hoàng D: số tiền 5.293.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu xanh, IMEI 1: 350596927715246, IMEI 2: 353387757715242;

+ 01 “Hợp đồng cầm cố tài sản” gồm 04 tờ giấy A4 có ghi tên bà Nguyễn Thị X, SN: 01/01/1965, số CCCD: 067165000123 trú tại thôn 3, xã T, huyện C, Đắk Nông ở phần Bên cầm cố tài sản, tài sản cầm cố là xe ô tô Honda, loại Accord El-V, màu trắng, số tiền cầm cố là 500.000.000 đồng;

- Võ Thị Hoàng D giao nộp 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Accord màu trắng, BKS 48A – 114.95

- Thu giữ khi khám xét nơi ở của Võ Thị Hoàng D:

+ 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*” lập ngày 18/5/2018, bên cho vay là Võ Thị Hoàng H1, bên vay là H’T, số tiền vay là 50.000.000 đồng;

+ 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*” lập ngày 08/8/2018, bên cho vay là Võ Thị Hoàng H1, bên vay là H’T, số tiền vay là 15.000.000 đồng;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm 04 tờ giấy A4, có ghi bên chuyển nhượng gồm: ông Nguyễn C, bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn U; bên nhận chuyển nhượng: ông Nguyễn Ánh V, bà Võ Thị Hoàng D;

+ 01 tờ giấy kê ô ly có ghi “*bản cam kết bàn giao tài sản*”, bên bán: hộ ông Nguyễn C, bên mua: ông Nguyễn Ánh V và bà Võ Thị Hoàng D;

+ 01 tờ giấy kê ô ly ghi nội dung chị Nguyễn Thị H2 có nhận của chị D số tiền 40.000.000 đồng và một số nội dung khác có chữ ký xác nhận của chị Nguyễn Thị H2;

- Thu giữ khi khám xét nơi làm việc của Võ Thị Hoàng D (BL 48-49):

+ 01 cuốn vở học sinh loại 04 ô ly ngang 96 trang, bìa có hoạt tiết màu xanh-trắng và có chữ lớn “PLAY TO WIN”;

+ 01 Hợp đồng cầm cố không thể hiện thời gian, người liên quan, nội dung số tiền vay là 100.000.000 đồng;

+ 01 Hợp đồng vay tiền được in ra từ máy tính làm việc của D tại Thác Dray Sáp.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS- KrN, ngày 17/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Võ Thị Hoàng D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự (BLHS)

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Krông Nô giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Võ Thị Hoàng D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của BLHS. Sau khi phân tích các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS. Xử phạt bị cáo Võ Thị Hoàng D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/7/2024 đến ngày 08/8/2024 (Tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Đề nghị HĐXX miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của BLHS, phạt tiền bị cáo từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về các biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 712/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 22/10/2024;

- Chấp nhận VKSND huyện Krông Nô đã ra quyết định xử lý vật chứng số 01/QĐ-VKS-KrN ngày 27/12/2024 trả lại cho bà Nguyễn Thị X là chủ sở hữu hợp pháp 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Accord màu trắng BKS 48A - 114.95.

- Chấp nhận VKSND huyện Krông Nô đã ra quyết định trả lại tài sản số 02/QĐ-VKS-KrN ngày 03/01/2025 trả lại cho Võ Thị Hoàng H1 là chủ sở hữu hợp pháp không liên quan đến việc phạm tội 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*” lập ngày 18/5/2018 và 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*” lập ngày 08/8/2018.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu xanh, IMEI 1: 350596927715246, IMEI 2: 353387757715242 là công cụ D sử dụng vào mục đích phạm tội;

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền gốc D đã cho vay là 500.000.000 đồng, bao gồm: 421.500.000 đồng do Nguyễn Thị X giao nộp (*Biên lai thu tiền số 000523 ngày 27/12/2024 của Chi cục THADS huyện K*) và số tiền 78.500.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.293.000 đồng thu giữ của D để đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thi hành án dân sự cho đương sự.

- Truy thu của Võ Thị Hoàng D để nộp Ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 12.364.000 đồng phát sinh từ hành vi phạm tội mà có.

- Buộc Võ Thị Hoàng D phải trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu ở mức lãi suất trên 20 % đến 146% là 7.636.000 đồng (20.000.000 đồng - 12.364.000 đồng = 7.636.000 đồng).

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A04, màu xanh, IMEI 1: 350596927715246, IMEI 2: 353387757715242 của Võ Thị Hoàng D sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo nhận tội không bào chữa gì mà chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 16/6/2024, Võ Thị Hoàng D đã nhận cầm cố của bà Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Xuân L chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda Accord BKS 48A-114.95 với số tiền là 500.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng (tương ứng với 90 ngày), mức lãi xuất là 4.000 đồng/1.000.000đ/ngày, đồng thời cứ 01 tháng (30 ngày) đóng lãi 01 lần, nếu trễ đóng lãi thì sẽ bị phạt 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Theo quy định tại các Điều 466; Điều 468; Điều 70 của BLDS thì khoản tiền lãi hợp pháp của số tiền 500.000.000 đồng là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,0548\% / \text{ngày} \times 45 \text{ ngày} = 12.330.000 \text{ đồng}$. (Thời hạn tính tiền lãi kể từ ngày 17/6/2024 đến ngày 30/7/2024 là 45 ngày).

Tiền lãi chậm trả lãi là $8.820.000 \text{ đồng} \times 0,0273\% / \text{ngày} \times 14 \text{ ngày} = 34.000 \text{ đồng}$ (làm tròn) (Thời hạn tính tiền lãi chậm trả kể từ ngày 17/7/2024 đến ngày 30/7/2024 là 14 ngày).

Như vậy tổng số tiền hợp pháp theo quy định của BLDS là 12.330.000 đồng + 34.000 đồng = 12.364.000 đồng.

Mặc dù D tính nhầm số tiền lãi do tính sai số ngày vay và số ngày chậm lãi, nhưng khi D tự tính tiền lãi cho bà X và thông báo cho bà X biết số tiền lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 100.000.000 đồng thì bà X đã đồng ý và không thắc mắc gì, do đó tổng số tiền mà D thu lợi bất chính từ khoản vay 500.000.000 đồng của bà X tính đến ngày 30/7/2024 là 100.000.000 đồng. Đối với khoản tiền lãi này thì mức lãi xuất mà bà X và anh L phải chịu là 0,4%/ ngày (tương đương với 146%/năm), cao gấp 7,3 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015. Số tiền Võ Thị Hoàng D thu lợi bất chính là: 100.000.000 đồng - 12.364.000 đồng = 87.636.000 đồng.

Như vậy hành vi của bị cáo Võ Thị Hoàng D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của BLHS.

VKSND huyện Krông Nô truy tố bị cáo Võ Thị Hoàng D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của BLHS là có căn cứ pháp lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội, vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ Thị Hoàng D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về mức hình phạt: HĐXX xét thấy đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là có căn cứ, tuy nhiên mức đề nghị có phần hơi thấp vì số tiền thu lãi bất chính gần mức tối đa của khoản 1 nên cần xử phạt mức hình phạt cao hơn.

[7] Xét thấy bị cáo có nơi cư trú ổn định, bị cáo đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại Công ty TNHH MTV N từ tháng 11 năm 2024, hiện nay bị cáo đang làm nhân viên phòng tổ chức hành chính, có thu nhập ổn định với số tiền 7.000.000 đồng/tháng, chồng của bị cáo cũng làm việc tại một doanh nghiệp nước ngoài tại bon Y, thị trấn Đ, huyện K, vì vậy HĐXX cần áp dụng khoản 3 Điều 36 của BLHS khấu trừ thu nhập 10%/tháng đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo có công việc, thu nhập ổn định, bị cáo có nhà ở ổn định, bị cáo còn có thửa đất đã mua của ông Nguyễn C, bà Đỗ Thị T, hiện nay bị cáo đang quản lý, sử dụng từ năm 2021. Vì vậy cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, áp dụng khoản 3 Điều 201 của BLHS; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đó là *“trường hợp hình phạt chính được áp dụng không phải là hình phạt tiền thì phải xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt bổ sung là hình phạt tiền”* nên phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 90.000.000 đồng.

[9] Về các biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Accord màu trắng BKS 48A - 114.95 là của bà Nguyễn Thị X là chủ sở hữu hợp pháp, việc trả lại tài sản trên là phù hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS nên cần chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của VKSND huyện Krông Nô.

[9.2] Đối với 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm 04 tờ giấy A4, có ghi bên chuyển nhượng gồm: ông Nguyễn C, bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn U; bên nhận chuyển nhượng: ông Nguyễn Ánh V, bà Võ Thị Hoàng D; 01 tờ giấy kê ô ly có ghi *“bản cam kết bàn giao tài sản”*, bên bán: hộ ông Nguyễn C, bên mua: ông

Nguyễn Ánh V và bà Võ Thị Hoàng D; 01 tờ giấy kê ô ly ghi nội dung chị Nguyễn Thị H2 có nhận của chị D số tiền 40.000.000 đồng và một số nội dung khác có chữ ký xác nhận của chị Nguyễn Thị H2; 01 cuốn vở học sinh loại 04 ô ly ngang 96 trang, bìa có hoạt tiết màu xanh-trắng và có chữ lớn “PLAY TO WIN” không liên quan đến vụ án nên việc trả lại các tài liệu trên là phù hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm a, khoản 3, Điều 106 BLTTHS nên cần chấp nhận quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu của Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Nô.

[9.3] Đối với 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*” lập ngày 18/5/2018, bên cho vay là Võ Thị Hoàng H1, bên vay là H’T, số tiền vay là 50.000.000 đồng; 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*” lập ngày 08/8/2018, bên cho vay là Võ Thị Hoàng H1, bên vay là H’T, số tiền vay là 15.000.000 đồng là của Võ Thị Hoàng H1 không liên quan đến vụ án nên việc trả lại các tài liệu trên là phù hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 46 BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS nên cần chấp nhận quyết định trả lại tài sản của VKSND huyện Krông Nô.

[9.4] Đối với đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu xanh, IMEI 1: 350596927715246, IMEI 2: 353387757715242 của bị cáo Võ Thị Hoàng D sử dụng làm phương tiện phạm tội phù hợp điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điểm a, khoản 1 Điều 46; Điểm a, khoản 1 Điều 47 BLHS nên cần chấp nhận.

[9.5] Đối với đề nghị Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền gốc Võ Thị Hoàng D đã cho vay là 500.000.000 đồng, bao gồm: 421.500.000 đồng do bà Nguyễn Thị X giao nộp và số tiền 78.500.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang phù hợp điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 46; Điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS nên cần chấp nhận.

[9.6] Đối với đề nghị truy thu của Võ Thị Hoàng D để nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự phát sinh từ hành vi phạm tội mà có với số tiền 12.364.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 nên cần chấp nhận.

[9.7] Đối với đề nghị buộc Võ Thị Hoàng D phải trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu ở mức lãi suất trên 20% đến 146% là 7.636.000 đồng (20.000.000 đồng - 12.364.000 đồng = 7.636.000 đồng) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 nên cần chấp nhận.

[9.8] Đối với đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 5.293.000 đồng thu giữ của Võ Thị Hoàng D để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án phù hợp quy định tại Điều 106 của BLTTHS nên cần chấp nhận.

[9.9] Đối với 01 Hợp đồng cầm cố không thể hiện thời gian, người liên quan, nội dung số tiền vay là 100.000.000 đồng; 01 Hợp đồng vay tiền được in ra từ máy tính làm việc của D tại Thác Dray Sáp; 01 “*Hợp đồng cầm cố tài sản*” gồm 04 tờ giấy A4 có ghi tên bà Nguyễn Thị X, SN: 01/01/1965, số CCCD: 067165000123 trú tại thôn 3, xã T, huyện C, Đắk Nông ở phần Bên cầm cố tài sản, tài sản cầm cố là xe ô

tô Honda, loại Accord El-V, màu trắng, số tiền cầm cố là 500.000.000 đồng là tài liệu chứng cứ liên quan đến việc phạm tội nên cần tiếp tục lưu hồ sơ.

[10] Đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng ngày 20/5/2024, Võ Thị Hoàng D cho Nguyễn Xuân L vay bằng hình thức gửi vào tài khoản của bà X, việc vay tiền không có giấy tờ, không thể hiện cụ thể thời hạn thanh toán, mức lãi suất, đến chiều cùng ngày L trả lại cho D số tiền 31.000.000 đồng trong đó số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng, số tiền 1.000.000 đồng D không yêu cầu, đòi hỏi mà L tự nguyện trả cho D vì vậy không có căn cứ để xử lý.

[11] Ngày 21/5/2024, D cho L vay số tiền 110.000.000 đồng có cầm cố xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Creta BKS 48A - 175.04 của anh Phạm Thành N để đảm bảo, không xác định rõ thời hạn thanh toán, lãi suất. Đến ngày 24/5/2024 D tiếp tục cho L vay số tiền 30.000.000 đồng, không xác định rõ thời hạn thanh toán, D lấy tiền lãi trước với số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền L đã vay là 140.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 16/6/2024, sau khi vay số tiền gốc 500.000.000 đồng D đã trừ luôn số tiền gốc 140.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp tối đa mà D được thu của L theo quy định của Bộ luật dân sự là: $0,0548\%/\text{ngày} \times (110.000.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} + 30.000.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ ngày}) = 2.098.630 \text{ đồng}$. Do đó, việc D thu tiền lãi 2.000.000 đồng của L là hợp pháp nên không có căn cứ để xử lý.

[12] Đối với các lần, trường hợp cho vay còn lại trong giấy tờ, sổ sách thu giữ được, sao kê tài khoản của Võ Thị Hoàng D..., do mức lãi suất không vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS và một số trường hợp không có cơ sở xác định số tiền lãi đã thu, thời gian vay, mức lãi suất thỏa thuận giữa D và người vay nên không có căn cứ xử lý.

[13] Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Creta BKS 48A - 175.04 là của anh Phạm Thành N, thời điểm Nguyễn Xuân L cầm cố xe ô tô này cho D thì anh N biết, đồng ý cho L cầm cố nên không có dấu hiệu tội phạm.

[14] Đối với Thái Đức H và Nguyễn Ánh V (là chồng của D), quá trình D cho L vay thì V không biết, H không tham gia giúp sức, không được hưởng lợi từ D nên không có căn cứ xử lý.

[15] Số tiền 500.000.000 đồng có nguồn gốc từ việc D vay tiền của bố đẻ là ông Võ Quang K, mục đích để D mua đất rẫy, làm ăn, việc D sử dụng số tiền 500.000.000 đồng để thực hiện hành vi phạm tội thì D không bàn bạc, hứa hẹn gì với ông K, ông K không biết cũng không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của D nên không có căn cứ để xử lý đối với ông K.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Hoàng D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Hoàng D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/7/2024 đến ngày 08/8/2024 (Tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại tính từ ngày Cơ quan cơ quan thi hành án hình sự công an tỉnh Đắk Nông nhận được Quyết định thi hành án. Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập 10%/tháng của bị cáo Võ Thị Hoàng D như sau: 7.000.000 đồng x 10% = 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*) sung công quỹ nhà nước tương đương với thời gian cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, điểm b khoản 2; Điểm a, điểm b khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3.1. Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số: 712/QĐ-ĐCSHS-KTMT, ngày 22/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô đã trả lại 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gồm 04 tờ giấy A4, có ghi bên chuyển nhượng gồm: ông Nguyễn C, bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn U; bên nhận chuyển nhượng: ông Nguyễn Ánh V, bà Võ Thị Hoàng D; 01 tờ giấy kê ô ly có ghi “*bản cam kết bàn giao tài sản*”, bên bán: hộ ông Nguyễn C, bên mua: ông Nguyễn Ánh V và bà Võ Thị Hoàng D; 01 tờ giấy kê ô ly ghi nội dung chị Nguyễn Thị H2 có nhận của chị D số tiền 40.000.000 đồng và một số nội dung khác có chữ ký xác nhận của chị Nguyễn Thị H2; 01 cuốn vở học sinh loại 04 ô ly ngang 96 trang, bìa có hoạt tiết màu xanh-trắng và có chữ lớn “PLAY TO WIN” cho bị cáo Võ Thị Hoàng D theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 22/10/2024.

3.2. Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số: 01/QĐ-VKS-KRN, ngày 27/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã trả lại 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda Accord màu trắng BKS 48A - 114.95 cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị X theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 27/12/2024.

3.3. Chấp nhận quyết định trả lại tài sản số: 02/QĐ-VKS-KRN, ngày 03/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã trả lại 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*” lập ngày 18/5/2018, bên cho vay là Võ Thị Hoàng H1, bên vay là H'T, số tiền vay là 50.000.000 đồng; 01 tờ giấy A4 có ghi “*Hợp đồng cho vay*”

lập ngày 08/8/2018, bên cho vay là Võ Thị Hoàng H1, bên vay là H'T, số tiền vay là 15.000.000 đồng cho Võ Thị Hoàng H1 theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 03/01/2025.

3.4. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu xanh, IMEI 1: 350596927715246, IMEI 2: 353387757715242 của bị cáo Võ Thị Hoàng D.

Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06/01/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3.5. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc Võ Thị Hoàng D đã cho vay là 500.000.000 đồng, bao gồm: 421.500.000 đồng do bà Nguyễn Thị X giao nộp và số tiền 78.500.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang theo biên lai thu tiền số 0000523, ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; Giấy nộp vào ngân sách Nhà nước số 7146660, ngày 09/10/2024; Ủy nhiệm chi số 09, ngày 06/01/2025.

3.6. Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Võ Thị Hoàng D số tiền 12.364.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

3.7. Buộc bị cáo Võ Thị Hoàng D phải trả lại cho bà Nguyễn Thị X số tiền thu lợi bất chính thực tế đã thu là 7.636.000 đồng (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

3.7. Tạm giữ số tiền 5.293.000 đồng (*Năm triệu hai trăm chín mươi ba nghìn đồng*) của bị cáo Võ Thị Hoàng D theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 5710290, ngày 12/8/2024; Ủy nhiệm chi số 09, ngày 06/01/2025 để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Thị Hoàng D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và lợi ích hợp của mình trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Phòng PC 01 Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan THAHS tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Cảnh

